TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/DS-ST
Ngày 28 - 7 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Ông Trần Quốc Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2020/TLST-DS, ngày 06 tháng 3 năm 2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2020/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Việt S, sinh năm 1977 (có mặt).

Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Bà Lâm Hồng P, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn M (chồng bà P) (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Việt S trình bày: Vào ngày 23/10/2017, ông Nguyễn Văn M có mua điện thoại di động hiệu Wiko có giá trị là 2.990.000 đồng, trả trước 500.000 đồng, còn lại yêu cầu trả góp trong thời gian 04 tháng, mỗi tháng góp 625.000 đồng. Như vậy, số tiền ông Nguyễn Văn M phải góp cho ông là 2.500.000 đồng. Hợp đồng đề tên bà Lâm Hồng P, ông Nguyễn Văn M là người ký tên vào hợp đồng và nhận nợ. Ngày 23/11/2017, ông Nguyễn Văn M đã trả 629.000 đồng, ngày 02/01/2018 đã trả 625.000 đồng, ngày 02/3/2018 đã

trả 625.000 đồng. Như vậy, tổng cộng ông Nguyễn Văn M đã trả 1.879.000 đồng. Như vậy còn nợ lại 621.000 đồng. Vào ngày 30/12/2017, ông Nguyễn Văn M có mua điện thoại di động, yêu cầu trả góp hàng tháng là 750.000 đồng, trả trong thời gian 06 tháng. Trả vào ngày 25 đến 30 hàng tháng. Như vậy, ông Nguyễn Văn M còn phải trả cho ông số tiền là 4.500.000 đồng. Tổng hai khoản nợ nêu trên là 5.121.000 đồng. Từ khi còn nợ đến nay ông Nguyễn Văn M không trả tiếp, ông có liên hệ đòi nhưng ông Mến cứ hẹn, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do ông Nguyễn Văn M và bà Lâm Hồng P là vợ chồng, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên vợ chồng ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Hồng P phải có nghĩa vụ cùng thanh toán khoản nợ cho ông. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Hồng P liên đới trả số tiền còn nợ là 5.121.000 đồng.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Hồng P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không cung cấp lời khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Việc ông Nguyễn Việt S khởi kiện ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Hồng P cùng trả tiền từ việc ông Nguyễn Văn M có mua hàng còn nợ nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Hồng P được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Hồng P.

[2]. Xét về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Việt S xác định ông Nguyễn Văn M có thỏa thuận mua điện thoại sử dụng còn nợ của ông tổng số tiền là 5.121.000 đồng. Từ đó, có căn cứ xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Về nội dung: Ông Nguyễn Việt S xác định là ông đã thỏa thuận mua bán đối với ông Nguyễn Văn M. Vào ngày 23/10/2017, ngày 30/12/2017 ông Nguyễn Văn M có mua điện thoại di động còn nợ tiền của ông. Ông Nguyễn Văn M yêu cầu trả góp hàng tháng, ông Nguyễn Văn M có ký tên vào hợp đồng, biên nhận và xác nhận trả tiền. Từ khi còn nợ tiền đến nay ông Nguyễn Văn M không trả tiền như thỏa thuận, ông Nguyễn Việt S có liên hệ đòi nhưng ông Nguyễn Văn M cứ hẹn và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Bà Lâm Hồng P là vợ của ông Nguyễn Văn M, quá trình mua bán bà Lâm Hồng P là người đứng tên trong hợp đồng mua bán, ông Nguyễn Văn M là người ký tên. Do đó, bà Lâm Hồng P phải có trách nhiệm cùng ông Nguyễn Văn M trả số tiền còn nợ cho ông Nguyễn Việt S. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, ông Nguyễn Việt S đã cung cấp hợp đồng mua bán ngày 30/12/2017, nội dung nhận nợ và xác nhận trả nợ ngày 23/10/2017 có nội dung ông Nguyễn Văn M còn nợ tiền như nội dung ông Nguyễn Việt S yêu cầu.

[4]. Đối với ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Hồng P không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện và chứng cứ do ông Nguyễn Việt S cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Do ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Hồng P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S và buộc ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Hồng P cùng phải trả toàn bộ số tiền từ việc mua bán còn nợ là 5.121.000 đồng cho ông Nguyễn Việt S là có cơ sở.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Hồng P phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng các điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt S. Buộc ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Hồng P cùng trả cho ông Nguyễn Việt S số tiền là 5.121.000 đồng (năm triệu một trăm hai mươi mốt nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Hồng P cùng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Việt S được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019953 ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Ông Nguyễn Việt S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Hồng P được quyền kháng

cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước